

Số: 1087/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 19 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa
lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết
của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 157/TTr-SNNMT ngày 16/5/2025 đề nghị công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (Chi tiết tại Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ đối với việc giải quyết thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này và gỡ bỏ các dữ liệu thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành trên Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bãi bỏ:

- Mục III phần A, Mục V phần B Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Mục I Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực: Lâm nghiệp, Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Lâm nghiệp, Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Mục I Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực: Lâm nghiệp, Trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
1	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên ngành về Lâm nghiệp, Kiểm lâm tại địa phương (do Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ) 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến	- Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng. - Nghị quyết của HĐND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng.
2	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	55 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
				Phú Thọ. ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp.
3	1.011470	Phê duyệt Phương án Khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	- Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 22/2023/TT BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.
4	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.	1. Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng:	Một phần	- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			sơ hợp lệ.	Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	1.1. Đối với đối tượng thực hiện TTHC theo hình thức trực tiếp: 3.000.000 đồng/lần công nhận; 1.2. Đối với đối tượng thực hiện TTHC theo hình thức trực tuyến: 2.100.000 đồng/lần công nhận. 2. Phí bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp: 2.1. Đối với đối tượng thực hiện TTHC theo hình thức trực tiếp: 2.400.000 đồng/lần công nhận; 2.2. Đối với đối tượng thực hiện TTHC theo hình thức trực tuyến: 1.680.000 đồng/lần công nhận. 3. Phí bình tuyển, công nhận rừng giống: 3.1. Đối với đối tượng thực hiện TTHC theo hình thức trực tiếp: 7.500.000 đồng/lần công nhận;		Nông nghiệp và PTNT Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; - Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định mức thu một số loại phí và lệ phí; tỷ lệ (%) để lại cho các tổ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
					3.2. Đối với đối tượng thực hiện TTHC theo hình thức trực tuyến: 5.250.000 đồng/lần công nhận.		chức, cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện các TTHC thông qua Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
5	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
6	1.007917	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa); - Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không	Một phần	- Thông tư số 25/2022/TT BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; - Thông tư số 22/2023/TT BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; - Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.
7	1.007916	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	- Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân,</i>	Không	Một phần	- Thông tư số 25/2022/TT BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			đầy đủ, hợp lệ; - Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; + Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng	TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích			mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; - Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế; 42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.				
8	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> <i>ĐT: 0210 2222</i>	Không	Một phần	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
				555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			Luật Lâm nghiệp.
9	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
10	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	40 ngày làm việc	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân,</i>	Không	Một phần	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
				TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			Luật Lâm nghiệp.
11	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	15 ngày làm việc.	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
12	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền	28 ngày	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Không	Một phần	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
		vững của chủ rừng là tổ chức		Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
13	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn	Không	Một phần	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			<i>thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			
14	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu	Không	Một phần	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
				chính công ích.			
15	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
16	1.012688	Quyết định giao rừng cho tổ chức	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định giao rừng: 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến:	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			<i>nhân dân cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức: 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định giao rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>	Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			
17	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
18	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	- <i>Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban</i>	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398,</i>	Không	Một phần	Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			<i>nhân dân cấp tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ.</i> <i>- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ.</i>	<i>Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> <i>ĐT: 0210 2222 555</i> 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích			điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
19	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ,	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> <i>ĐT: 0210 2222 555</i> 2. Trực tuyến:	Không	Một phần	- Chương III, Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Nghị

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			hợp lệ.	Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam.
20	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cơ quan kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	1. Trực tiếp: Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện (Cơ quan Kiểm lâm sở tại) 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	- Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam; - Khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 và khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
21	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: - Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
22	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	- Thời gian cấp mã số: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, không quá 30 ngày; - Đối với các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở: + Thời gian Cơ quan cấp mã số gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan khoa học	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công. <i>Địa chỉ: Số 398, Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</i> ĐT: 0210 2222 555 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật,

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
			CITES Việt Nam: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; + Thời gian Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trả lời bằng văn bản: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp mã số; - Thời gian cơ quan cấp mã số gửi thông tin về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để đăng tải mã số đã cấp lên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp mã số cơ sở nuôi, trồng.				thực vật hoang dã nguy cấp.
23	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	1. Trực tiếp: Cơ quan Kiểm lâm	Không	Một phần	Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
		rừng thông thường từ tự nhiên	hợp lệ	cấp huyện (Cơ quan Kiểm lâm sở tại) 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Buu chính công ích.			30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
24	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện (Cơ quan Kiểm lâm sở tại) 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Buu chính công ích.	Không	Một phần	- Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 22/2023/TT BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hệ thống

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
							bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cơ quan kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện (được giao nhiệm vụ). 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến	- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng. - Nghị quyết của HĐND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng.
2	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong .	Không	Một phần	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
				phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			
3	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	22 ngày	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.
4	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn	Không	Một phần	- Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 22/2023/ TT BNNPTNT ngày 15/12/2023

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
				3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.
5	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.
6	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ	1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
7	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ	1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
		rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	hợp lệ.	và trả kết quả của UBND cấp huyện. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích.			phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
1	1.012693	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	50 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: https://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu	Không	Một phần	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC TT (mức độ)	Căn cứ pháp lý
				<i>chính công ích.</i>			